TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2020/HS-ST
Ngày 09-09-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thái Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Sương.
2. Ông Lê Quốc Việt.

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: ông Cao Nguyên Lộc - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 09 tháng 09 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 07 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 08 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1945 và bà Huỳnh Thị L (đã chết); chồng: anh Lê Văn Th, sinh năm 1980, con: 04 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con bé nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 03/05/2020 (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Q*: luật sư Nguyễn Duy Sơn và luật sư Phạm Hoàng Giang – công ty Luật TNHH MTV Thái Sơn, đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 04/10/2000; nơi cư trú: phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1974; nơi cư trú: phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

2. Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp Thạnh Quới II, xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Văn Th, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 03/2018, Nguyễn Thị Q đưa chồng là anh Lê Văn Th đến thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để đi biển và ở lại phòng trọ của em gái ruột của anh Th là chị Lê Thị H1 ở địa chỉ phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu. Trong thời gian này, Q thường đến nhà bà Đinh Thị Nh chơi (bà Nh là chị dâu của Q) và biết con gái bà Nh là chị Nguyễn Thị Mỹ H đang nuôi con nhỏ, vay tiền nhiều người, không có khả năng trả lại. Do đó, Q nảy sinh ý định tuyển mộ chị H để bán sang Trung Quốc nhằm hưởng lợi. Q thông tin cho con gái ruột của mình là Nguyễn Ngọc H2 (đang sống tại Trung Quốc) về trường hợp chị H và được H2 cho biết nếu tuyển mộ, chuyển giao H qua Trung Quốc gả bán thành công, Q sẽ được hưởng lợi 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), còn H và gia đình sẽ được 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Để tuyển mộ chị H, Q kể cho chị H biết việc H2 đã sang Trung Quốc lấy chồng và có cuộc sống sung túc, nếu chị H đồng ý qua Trung Quốc lấy chồng, H và gia đình sẽ nhận được 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và sẽ có cuộc sống sung túc như H2. Đồng thời, Q còn hứa hẹn trong thời gian 06 tháng đến 01 năm nếu chị H không muốn ở Trung Quốc nữa thì sẽ tìm cách đưa chị H quay trở về Việt Nam. Để chị H tin tưởng, Q gọi điện thoại qua phần mềm ứng dụng Wechat cho H2 nói chuyện thuyết phục chị H. Chị H tin tưởng, đồng ý qua Trung Quốc cưới chồng để có tiền trả nợ và viết cho Q một giấy cam kết với nội dung chị H đồng ý tự nguyện sang Trung Quốc lấy chồng để được 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); trong thời gian 06 tháng ở tại Trung Quốc, chị H cam kết không bỏ trốn và quậy phá. Sau 06 tháng Q cùng Nguyễn Ngọc H2 phải có trách nhiệm đưa chị H quay trở về Việt Nam như đã hứa.

Khoảng đầu tháng 04/2018, Nguyễn Thị Q sử dụng số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà Nguyễn Ngọc H2 gửi về chữa bệnh để đưa chị H ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh nhằm chuyển giao sang Trung Quốc. Theo sự hướng dẫn của H2, Q đã chuyển giao chị H cho 02 vợ chồng người Trung Quốc (chưa rõ nhân thân lai lịch) rồi đón xe quay về tỉnh Bạc Liêu. Chị H tiếp tục được chuyển giao cho một người đàn ông Việt Nam (chưa rõ nhân thân lai lịch) để đưa qua Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch. Khi đến Trung Quốc, chị H được chuyển

giao lại cho hai vợ chồng người Trung Quốc nêu trên và sau đó được gả bán cho một người đàn ông tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

Ngày 24/04/2018, Nguyễn Ngọc H2 đã chuyển về tài khoản số 7204205082035 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu của Nguyễn Thị Q số tiền 105.790.000đ (một trăm lẻ năm triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng), trong đó có số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) có được từ việc tuyển mộ và chuyển giao chị Nguyễn Thị Mỹ H sang Trung Quốc, còn lại số tiền 35.790.000đ (ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) là tiền H2 gửi thêm cho Q để chữa bệnh. Q đưa cho bà Đinh Thị Nh 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) như đã hứa để bà Nh thay H trả nợ và đưa thêm cho bà Nh 5.000.000đ (năm triệu đồng) để lo cho con chị H. Q hưởng lợi và đã tiêu xài hết số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) còn lại từ việc chuyển giao H sang Trung Quốc. Hết thời hạn 06 tháng mà chưa được đưa về Việt Nam, chị H nghi ngờ mình bị Q cùng H2 lừa bán sang Trung Quốc nên đã liên lạc qua mạng xã hội để nhờ bà Nh tố giác hành vi của Q cùng con gái; đồng thời chị H cũng nhờ sự giúp đỡ của người dân Việt Nam tại Trung Quốc để giải cứu.

Ngày 14/12/2019, thông qua Lãnh sự quán Việt Nam tại Trung Quốc, chị Nguyễn Thị Mỹ H đã được giải cứu và trở về Việt Nam; tiếp tục tố giác hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Q cùng đồng bọn.

Ngày 06/02/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thị Q về tội "Mua bán người" theo quy định tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Nguyễn Thị Q đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 03/05/2020, Nguyễn Thị Q đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với Nguyễn Ngọc H2 và các đối tượng có liên quan chưa rõ nhân thân, lai lịch; cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng chưa có kết quả, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vật chứng vụ án hiện đang tạm giữ:

- 01 (một) điện thoại di động OPPO A71 số imei 1: 868499036741598, imei 2: 868499036741580 mặt trước màu trắng mặt sau màu hồng của Nguyễn Thị Q;
- 01 (một) giấy thông hành số 0180958 mang tên Nguyễn Thị Mỹ H do Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cấp;

- 01 (một) giấy cho phép ra vào mang tên "Nguyen Thi My H số 201900821 di nước CHND Trung Hoa" (bản tiếng Trung Quốc);

- 01 (một) vé máy bay từ Bắc Kinh, Trung Quốc đến thành phố Hồ Chí Minh, tên hành khách: NGUYEN/THI MY H, chuyến bay CA903, ngày bay 15/12, số ghế 36B;

- Đối với giấy cam kết mà chị H đã viết giao cho Nguyễn Thị Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu không thu giữ được do Q đã làm thất lạc mất.

Về trách nhiệm dân sự: anh Lê Văn Th (chồng của Nguyễn Thị Q) bồi thường số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Mỹ H, hiện chị H không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đã làm đơn bãi nại cho Q.

Tại cáo trạng số 61/CT-VKS-P2 ngày 14/07/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về tội "Mua bán người" theo qui định tại điểm d Khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa cho rằng sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc.

Bị cáo Nguyễn Thị Q đã khai nhận diễn biến sự việc và hành vi phạm tội đúng theo kết quả điều tra vụ án và nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong phần tranh luận, đã phân tích tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của bị cáo, hậu quả xảy ra, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về tội "Mua bán người", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 150; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q từ 08 đến 09 năm tù, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Duy Sơn tham gia bào chữa cho bị cáo có ý kiến như sau:

Thứ nhất, luật sư đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về tội danh. Tuy nhiên, việc áp dụng tình tiết định khung theo qui định tại điểm d Khoản 2 Điều 150 là chưa phù hợp với hành vi của bị cáo. Bởi lẽ, theo qui định tại điểm 3 Khoản

3 Nghị quyết 02/2019-NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tình tiết định khung theo qui định tại điểm d Khoản 2 là đưa người ra khỏi biên giới Việt Nam là trường hợp người phạm tội đã hoặc đang đưa nạn nhân ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không hoặc nếu đã thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với nạn nhân. Qua phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa đủ cơ sở xác định được bị cáo chưa hề đưa nạn nhân ra khỏi biên giới Việt Nam hoặc làm thủ tục xuất cảnh đối với nạn nhân nên hành vi của bị cáo chỉ đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo qui định tại Khoản 1 Điều 150 Bộ luật hình sự.

Thứ hai, các vật chứng thu thập được trong hồ sơ vụ án là các chứng cứ buộc tội bị cáo nhưng các chứng cứ này đều là tiếng nước ngoài và chưa xác định được nội dung cụ thể.

Thứ ba, về động cơ và hoàn cảnh cụ thể của bị cáo: bị cáo chỉ vì muốn giúp đỡ bị hại giải quyết khó khăn về vấn đề tài chính nên mới thực hiện hành vi phạm tội. Nếu chỉ vì lợi nhuận thì bị cáo đã không thực hiện hành vi vì số tiền mà bị cáo hưởng lợi là rất ít. Hơn nữa, bị cáo là người mù chữ và không có nhận thức pháp luật. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng qui định tại Khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa tranh luận lại như sau:

Tuy bị cáo không trực tiếp đưa nạn nhân ra khỏi biên giới Việt Nam nhưng đã giúp sức cho các đồng phạm khác thực hiện hành vi phạm tội. Thực tế, nạn nhân đã bị đưa ra khỏi biên giới Việt Nam nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán người" theo tình tiết định khung tại điểm d Khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự. Về các vật chứng được thu thập trong hồ sơ vụ án là một trong các tài liệu được thu thập để làm sáng tỏ nội dung vụ án và không phải là chứng cứ duy nhất để buộc tội bị cáo đối.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Th đã được triệu tập

hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa. Xét thấy, anh Th là người liên quan đến số tiền 2.000.000 đồng đã thay mặt bị cáo bồi thường cho bị hại nên sự vắng mặt của anh Th không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án

[3] Về hành vi phạm tội, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

Qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố đối với các bị cáo. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, phù hợp với vật chứng bị thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng cuối tháng 03/2018, khi cùng chồng là anh Lê Văn Th xuống Vũng Tàu làm việc, Nguyễn Thị Q thường xuyên đến nhà bà Đinh Thị Nh chơi (do bà Nh là chị dâu của Q). Thời gian này bà Nh cũng hay tâm sự về hoàn cảnh của con bà Nh là chị Nguyễn Thị Mỹ H đang nuôi con nhỏ, vay tiền nhiều người, không có khả năng trả lại. Sau khi biết sự việc, Q liên lạc với con gái mình là Nguyễn Ngọc H2, đang sinh sống tại Trung Quốc và nhờ H2 giúp đỡ. Sau đó, H2 đề xuất với Q về việc đưa chị H sang Trung Quốc lấy chồng để được trả tiền trang trải nợ nần và H2 cũng cho Q biết nếu thực hiện thành công thì Q sẽ được hưởng lợi 20.000.000 đồng. Một mặt vì muốn giúp đỡ chị H trả nợ, một mặt vì muốn hưởng lợi 20.000.000 đồng, Q đã rủ rê và được chị H đồng ý. Sau đó, vào khoảng đầu tháng 04/2018, Q đã đưa chị H ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và theo sự hướng dẫn của H, Q đã chuyển giao chị H cho 02 vợ chồng người Trung Quốc (chưa rõ nhân thân lai lịch) rồi đón xe quay về tỉnh Bạc Liêu. Chị H tiếp tục được chuyển giao cho một người đàn ông Việt Nam (chưa rõ nhân thân lai lịch) để đưa qua Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch. Khi đến Trung Quốc, chị H được chuyển giao lại cho hai vợ chồng người Trung Quốc nêu trên và sau đó được gả bán cho một người đàn ông tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

Sau khi nhận được 70.000.000 đồng của Nguyễn Ngọc H2 chuyển về (có được từ việc chuyển giao chị Nguyễn Thị Mỹ H sang Trung Quốc), Nguyễn Thị Q đưa cho bà Đinh Thị Nh 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để bà Nh thay H trả nợ và đưa thêm cho bà Nh 5.000.000đ (năm triệu đồng) để lo cho con chị H. Q hưởng lợi và đã tiêu xài hết số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo là giúp sức cho H2 để tiếp nhận và chuyển giao chị H sang Trung Quốc nhằm hưởng lợi đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán người", Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[4] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Để đưa được chị Nguyễn Thị Mỹ H trót lọt sang Trung Quốc cần có sự cấu kết chặt chẽ giữa Nguyễn Thị Q, Nguyễn Ngọc H2, một số đối tượng người Việt Nam và Trung Quốc chưa rõ nhân thân, lai lịch. Điều này thể hiện Q, H và các đối tượng có liên quan đều là đồng phạm trong đường dây "Mua bán người" có tổ chức. Trong đó, H2 là người chủ mưu, cầm đầu, Q là người có vai trò giúp sức. Trong vụ án này, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chưa xác định được H2 và các đối tượng khác nên tạm thời xử lý hành vi phạm tội của Q. Xét thấy, Q là người trực tiếp rủ rê và đưa bị hại đến Móng Cái để chuyển giao cho 02 người Trung Quốc tiếp tục thực hiện vai trò của mình. Tuy bị cáo không trực tiếp đưa bị hại ra khỏi biên giới Việt Nam nhưng với vai trò là đồng phạm trong vụ án và thực tế bị hại đã được đưa ra khỏi biên giới nước Việt Nam nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán người" theo qui định tại điểm d Khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự vì hành vi giúp sức của mình. Từ phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử lý trách nhiệm của bị cáo theo qui định tại Khoản 1 Điều 150 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo là người đã thành niên, có đủ nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vì ham thu lợi bất chính mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến danh dự, nhân phẩm, xâm hại đến thân thể, quyền tự do của con người. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, việc mua bán người để đưa ra nước ngoài đang diễn biến rất phức tạp, gây ảnh hưởng lớn đến trật tự an toàn xã hội và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ sức cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

- Về nhân thân: bị cáo Nguyễn Thị Q là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu bị cáo vi phạm pháp luật.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo cũng đã vận động anh Lê Văn Th – là chồng của bị cáo đến xin lỗi và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 2.000.000 đồng và chị H cũng đã có đơn bãi nại. Ngoài ra, bị cáo mù chữ, không có nhận thức về pháp

luật và bị cáo một phần cũng muốn giúp đỡ bị hại – là cháu ruột của bị cáo trang trải nợ nần nên mới thực hiện hành vi phạm tội. Vì các yếu tố nêu trên, cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Căn cứ vào các tình tiết như đã phân tích, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng qui định tại Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A71 số Imei 1: 868499036741598, Imei 2: 868499036741580 mặt trước màu trắng mặt sau màu hồng được Q dùng để liên lạc với Nguyễn Thị H2 bàn bạc thực hiện tội phạm nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước;
- Đối với 01 giấy thông hành số 0180958 mang tên Nguyễn Thị Mỹ H do Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại CHND Trung Hoa cấp; 01 giấy cho phép ra vào mang tên Nguyen Thi My H số 201900821 di nước CHND Trung Hoa (bản tiếng Trung Quốc); 01 vé máy bay từ Bắc Kinh, Trung Quốc đến thành phố Hồ Chí Minh, tên hành khách: NGUYEN/THI MY H, chuyến bay CA903, ngày bay 15/12, số ghế 36B là của chị Nguyễn Thị Mỹ H nhưng chị H không có nhu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Q phạm tội "Mua bán người"; áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 150; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 06 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/05/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A71 số Imei 1: 868499036741598, Imei 2: 868499036741580 mặt trước màu trắng mặt sau màu hồng;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 giấy thông hành số 0180958 mang tên Nguyễn Thị Mỹ H do Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại CHND Trung Hoa cấp; 01 giấy cho phép ra vào mang tên Nguyen Thi My H số 201900821 di nước CHND Trung Hoa (bản tiếng Trung Quốc); 01 vé máy bay từ Bắc Kinh, Trung Quốc đến thành phố Hồ Chí Minh, tên hành khách: NGUYEN/THI MY H, chuyến bay CA903, ngày bay 15/12, số ghế 36B; (theo biên bản giao nhận vật chứng số 60/BB-CTHADS ngày 20/07/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/NQ/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại TP.HCM;*
- *VKSND cấp cao tại Tp.HCM;*
- *VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*
- *Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*
- *Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*
- *Cục THA dân sự tỉnh BR – VT;*
- *THAHS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*
- *Bị cáo; bị hại; luật sư; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu: Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thái Hùng